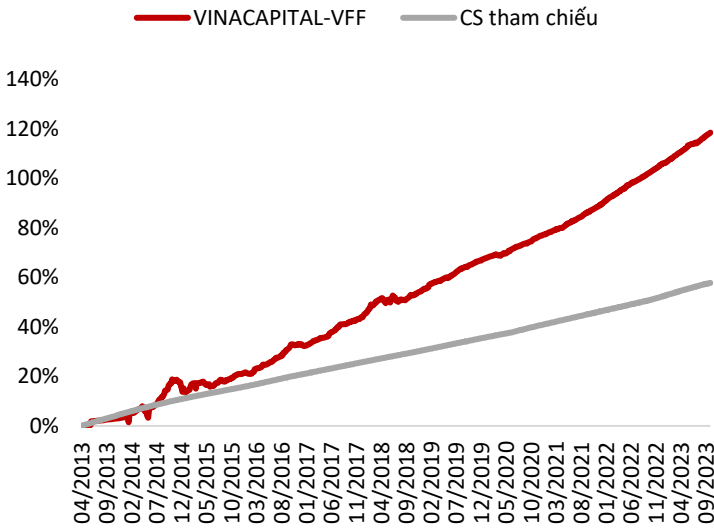


VINACAPITAL-VFF Chiến lược đầu tư

Quỹ đặt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, giảm rủi ro cho nhà đầu tư bằng cách đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp có chất lượng tín dụng cao và dòng tiền ổn định. Quỹ chú trọng đem lại sự an toàn cho nhà đầu tư và kiểm soát chặt chẽ các rủi ro về tín dụng, lãi suất, lạm phát và thanh khoản. Quỹ hướng tới xây dựng danh mục đầu tư đa dạng, cân đối rủi ro lãi suất và hiệu quả thông qua các quyết định phân bổ ngành và lựa chọn tài sản đầu tư hợp lý, và nâng cao lợi nhuận thông qua các giao dịch đầu tư chênh lệch giá. Quỹ ưu tiên đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chính phủ và các giấy tờ có giá khác.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. Sẽ có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VFF

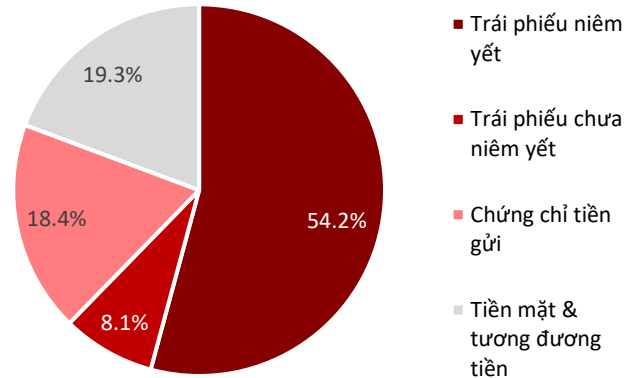
	VINACAPITAL-VFF	CSTC
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	499.9	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	21,857.5	
Lợi nhuận tháng 09/2023 (%)	0.7	0.5
Lợi nhuận từ đầu năm 2023 (%)	5.9	5.1
Lợi nhuận trung bình 3 năm (%)	7.8	5.7
Lợi nhuận trung bình hàng năm từ khi thành lập(%)	7.7	4.4
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	118.6	57.8

* CSTC: Chỉ số tham chiếu
(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com
Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



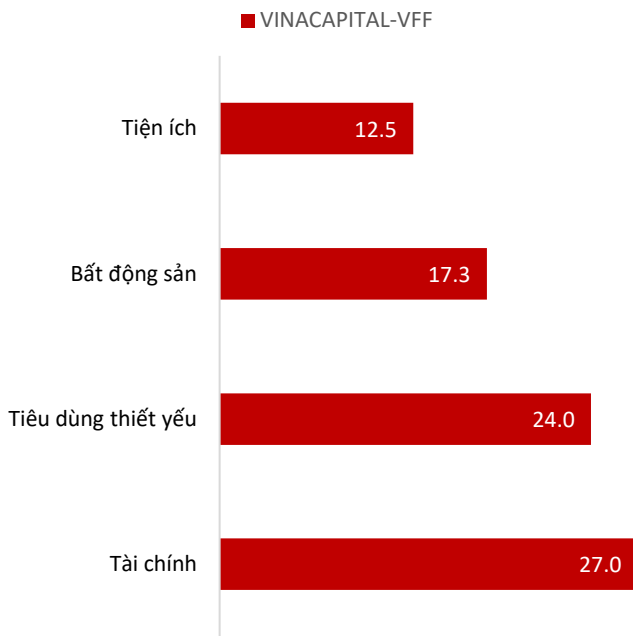
Thông tin quỹ

Ngày thành lập	01/04/2013
Phí quản lý	0.95%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng 0.5% >= 12 tháng 0.0% >= 24 tháng
Thuế thu nhập cá nhân	0.1%
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Thứ Ba và thứ Năm hàng tuần Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.
Chỉ số tham chiếu (CSTC)	

Chỉ số danh mục đầu tư

Thời gian đáo hạn bình quân	0.9
Lợi suất khi đáo hạn (%)	9.8

Phân bổ theo ngành



Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VFF

GDP của Việt Nam tăng trưởng 5,3% trong quý 3/2023, đưa tăng trưởng 9 tháng đầu năm lên 4,2%. Sau khi các số liệu kinh tế cho thấy có sự phục hồi trong tháng 7 và tháng 8, sự phục hồi có vẻ chậm lại trong tháng 9. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 9/2023 chỉ tăng 0,1% so với tháng 8/2023 (nhưng tăng 5,1% so với tháng 9/2022), đồng thời chỉ số quản trị mua hàng (PMI) giảm từ 50,5 trong tháng 8 xuống còn 49,7 trong tháng 9 do sản lượng và lao động giảm. Tuy nhiên, có điểm tích cực là số lượng đơn hàng mới đã tăng 2 tháng liên tiếp, và niềm tin về kinh doanh đạt mức cao nhất kể từ tháng 2/2023. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tháng 9 tăng 2,4% so với tháng trước (nhờ kỳ nghỉ lễ dài và mùa tựu trường của học sinh) và 7,5% so với cùng kỳ năm trước, đưa tăng trưởng trong 9 tháng đầu năm lên 7,3%, sau khi loại trừ lạm phát. Tuy nhiên, lạm phát có phần cao hơn kỳ vọng với chỉ số CPI tháng 9 tăng 1,1% so với tháng 8 và 3,7% so với cùng kỳ năm trước.

Chúng tôi kỳ vọng trong quý 4 sẽ có những số liệu lạc quan hơn cả về tăng trưởng kinh tế do một mặt, số liệu tăng trưởng sẽ rõ ràng từ nền so sánh thấp trong quý 4/2022. Mặt khác, khảo sát của S&P Global khi thực hiện hiện báo cáo về chỉ số PMI tháng 9 cho thấy niềm tin kinh doanh đã tăng tháng thứ tư liên tiếp, và mức tăng lần này là cao nhất kể từ tháng 2/2023. Các công ty dự kiến số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục tăng, từ đó sản lượng sẽ tăng. Vấn đề tỷ giá và lãi suất có lẽ sẽ không quá đáng ngại khi NHNN có công cụ để ổn định tỷ giá và vẫn duy trì chính sách lãi suất thấp để hỗ trợ nền kinh tế.

Thị trường TPDN chứng kiến sự hồi phục mạnh mẽ trong tháng 9, cụ thể đã đạt mức tăng trưởng 80% so với cùng kỳ năm trước với tổng giá trị phát hành đạt 32,4 nghìn tỷ đồng. Đã có tổng cộng 31 đợt phát hành trong tháng, mà chủ yếu tới từ ngành ngân hàng và bất động sản. Đứng đầu là ngành ngân hàng chiếm 66,0% tỷ trọng phát hành, với 21,4 nghìn tỷ đồng phát hành, tăng 117% so với cùng kỳ. Kỳ hạn và lãi suất trung bình lần lượt là 4,0 năm và 6,7%. Về ngành bất động sản, đã có sự hồi phục mạnh mẽ khi tổng giá trị phát hành đạt 8,1 nghìn tỷ, tức hơn 2 lần so với giá trị phát hành năm trước (cùng kỳ năm trước đạt 3,4 nghìn tỷ). Kỳ hạn phát hành trung bình của nhóm này đạt khoảng 4,75 năm, với lãi suất bình quân ở mức tương đối cao là 10,9%. Trong đó gần một nửa được phát hành bởi công ty Tân Liên Phát Tân Cảng, được biết là công ty con của tập đoàn Masterise, phát hành với lãi suất 10%.

Danh mục đầu tư lớn

Mã	Tên Tổ chức phát hành	Tỉ trọng (%)	Lợi suất (%)	Chu kỳ đáo hạn (năm)
MML	CTCP Masan Meat Life	18.7	9.9	2.4
GEG	CTCP Điện Gia Lai	12.5	14.6	0.9
LPB	Ngân hàng TMCP Bưu Điện	8.6	8.3	0.2
KDH	CTCP Đầu tư và Kinh doanh	7.1	12.0	1.6
VRE	CTCP Vincom Retail	5.1	6.5	0.1

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	LN từ đầu năm
2021	0.6%	0.5%	0.4%	0.6%	0.6%	0.6%	0.6%	0.9%	0.5%	0.6%	0.7%	0.9%	7.7%
2022	0.8%	0.6%	0.7%	0.7%	0.8%	0.5%	0.6%	0.6%	0.7%	0.6%	0.8%	0.4%	8.0%
2023	0.7%	0.6%	0.7%	0.7%	0.8%	0.3%	0.5%	0.8%	0.7%				5.9%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital ("Công ty") soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc gạ gẫm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hoặc hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.